ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN THÀNH

Biểu CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024

(Dự toán trình HĐND xã Quyết định)

Đơn vị: đồng

TT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
							Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân					Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
	TỔNG SỐ		**59,931,068,000**	**-**	**34,858,943,000**	**29,523,428,000**	**4,050,000,000**	**4,050,000,000**	**4,050,000,000**	
1	Trả làm mới nâng cấp (rải thảm) tuyến đường từ ngõ Bà nguyệt đến ngõ Ông Khang thôn Thành Phú	11/2022 - 4/2023	2,043,000,000		104,806,000	104,806,000	300,000,000	300,000,000	300,000,000	
2	Nhà văn hóa Thành Vân		705,000,000				300,000,000	300,000,000	300,000,000	
3	Trả nợ Đường Từ ông Bé đi Phù lão	22/9/2021-20/12/2021	3,902,922,000		3,750,000,000	3,573,000,000	80,000,000	80,000,000	80,000,000	
4	Trả nợ Đường Từ ông Tân đi Bà Hạo	278/9/2021-28/1/2022	2,951,674,000		2,924,000,000	2,762,000,000	80,000,000	80,000,000	80,000,000	
5	Trả nợ nhà giao dịch 1 cửa	5/2020-6/2020	869,000,000		864,000,000	760,000,000	70,000,000	70,000,000	70,000,000	
6	Trả nợ thiết bị hiện đại giao dịch 1 cửa						40,000,000	40,000,000	40,000,000	
7	Trả nợ Nhà làm việc UBND xã	1/2020-5/2020	4,553,000,000		4,411,000,000	4,043,000,000	100,000,000	100,000,000	100,000,000	
8	Trả nợ Cấp nước HS thôn Thành Yên	9/2022-11/2022	1,183,000,000		1,083,000,000	94,583,000	200,000,000	200,000,000	200,000,000	

TT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
							Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân					Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
9	XD nhà đa năng 3 Tầng Trường Tiểu học	3-2022 9-2022	7,936,000,000		7,392,000,000	6,842,000,000	250,000,000	250,000,000	250,000,000	
10	XD mới Đường Thanh Văn đi Xuân Yên	5/2022 9/2022	4,615,350,000		4,215,000,000	3,794,342,000	200,000,000	200,000,000	200,000,000	
11	XD mới Đường ngõ chị Diện đến ngõ chị Liệu (Thôn Thành Tiến)	5/2022 9/2022	2,122,775,000		2,001,789,000	1,601,789,000	200,000,000	200,000,000	200,000,000	
12	XD mới Đường từ cổng chào T Minh Hòa nối đường Trịnh Khắc Lập	7/2022 10/2022	1,472,946,000		1,461,348,000	1,261,348,000	80,000,000	80,000,000	80,000,000	
13	Trả nợ mương Bàu quan đi Bàu dài (Đoạn từ Sân Gốn đi ra Cầu Thành Long)	12/2021 5/2023	5,529,749,000		3,550,000,000	4,686,560,000	200,000,000	200,000,000	200,000,000	
14	Trả nợ đường từ cửa anh Dung đi Anh Hoàn	10/2020-3/2021	2,442,956,000		150,000,000		200,000,000	200,000,000	200,000,000	
15	Trả làm mới nâng cấp (rải thảm) tuyến đường từ cửa Hàng Nhật thôn Thành Vân đi nhà Bà Hạnh Thôn Thành Hải		7,777,088,000				200,000,000	200,000,000	200,000,000	
16	Cải tạo nâng cấp trường tiểu học Xuân Thành - Hạng mục : Hàng rào , mương thoát nước và lát sân	13/9/2023-13/12/2023	512,000,000		500,000,000		250,000,000	250,000,000	250,000,000	

TT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
							Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân					Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
17	Trả nợ đường trộ Đu đi Bãi trác		8,609,332,000		349,000,000		200,000,000	200,000,000	200,000,000	
18	Trả làm mới nâng cấp (rải thảm) tuyến đường từ cổng trưởng tiểu học đi nối đường trục thôn Thành Yên và đoạn nhà Bà Tam nối đường ven biển (cửa Dung Công)	3/2023 6/2023	2,255,276,000		2,103,000,000	-	200,000,000	200,000,000	200,000,000	
19	Làm mới khuôn viên vỉa hè khu trung tâm xã						400,000,000	400,000,000	400,000,000	
20	Nhà làm việc công an						200,000,000	200,000,000	200,000,000	
21	Trả nợ hỗ trợ các điểm NTM đã làm 2022+2023 (kè láng lề đường, công trình phụ trợ nhà văn hóa						100,000,000	100,000,000	100,000,000	
22	Mua sắm trang thiết bị bàn ghế họp hội trường UBND xã		450,000,000				200,000,000	200,000,000	200,000,000	

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh